

**CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT TÂM AN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT TÂM AN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TAM AN ENGINEERING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: TAM AN ENGINEERING .,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0106985251

**3. Ngày thành lập:** 11/09/2015

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 6, dãy H4, Khu TT Công ty Len, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0987933862

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 2592        |
| 2.  | In ấn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 1811        |
| 3.  | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 1812        |
| 4.  | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4661        |
| 5.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4663        |
| 6.  | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 3312        |
| 7.  | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 3313        |
| 8.  | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 3314        |
| 9.  | Thoát nước và xử lý nước thải                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 3700        |
| 10. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4100(Chính) |
| 11. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>chi tiết:<br>- Xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như:<br>+ Các nhà máy lọc dầu,<br>+ Các xưởng hoá chất,<br>- Xây dựng công trình cửa như:<br>+ Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống...<br>+ Đập và đê.<br>- Xây dựng đường hầm ;<br>- Các công việc xây dựng khác không phải nhà như: Các công trình thể thao ngoài trời. | 4290        |
| 12. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4321        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 13. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4322 |
| 14. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>chi tiết:<br>- Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như :<br>+ Thang máy, cầu thang tự động,<br>+ Các loại cửa tự động,<br>+ Hệ thống đèn chiếu sáng,<br>+ Hệ thống hút bụi,<br>+ Hệ thống âm thanh,<br>+ Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí. | 4329 |
| 15. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4330 |
| 16. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>chi tiết:<br>Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự                                                                                                                                                                        | 4649 |
| 17. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4652 |
| 18. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>chi tiết:<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng<br>Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)                                                                     | 4659 |
| 19. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4933 |
| 20. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (trừ mặt hàng Nhà nước cấm)<br>( Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).                             | 8299 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.900.000.000 VNĐ  
**Mệnh giá cổ phần:** 10.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông        | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|--------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | LÊ QUỐC HỘI        | Khu 2, Xã Tử Đà, Huyện Phù Ninh, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam                              | Cổ phần phổ thông | 100.000    | 1.000.000.000         | 52,63     | 131200523                                                                                   |         |
|     |                    |                                                                                      | Tổng số           | 100.000    | 1.000.000.000         | 52,63     |                                                                                             |         |
| 2   | TRẦN THỊ THU CHANG | Xóm 4, Xã Đồng Hương, Huyện Kim Sơn, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam                        | Cổ phần phổ thông | 45.000     | 450.000.000           | 23,68     | 164332428                                                                                   |         |
|     |                    |                                                                                      | Tổng số           | 45.000     | 450.000.000           | 23,68     |                                                                                             |         |
| 3   | LÊ QUANG HỘI       | Khu 2, Xã Tử Đà, Huyện Phù Ninh, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam                              | Cổ phần phổ thông | 45.000     | 450.000.000           | 23,68     | 131209286                                                                                   |         |
|     |                    |                                                                                      | Tổng số           | 45.000     | 450.000.000           | 23,68     |                                                                                             |         |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên: LÊ QUỐC HỘI

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Ngày sinh: 22/08/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 131200523

Ngày cấp: 17/09/2011

Nơi cấp: Công an tỉnh Phú Thọ

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Khu 2, Xã Tử Đà, Huyện Phù Ninh, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

Số 1, dãy B1, khu TT Công ty Len, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

#### 11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội